TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày 14/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Trần Việt Trung

Bà Đoàn Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: Số 26 P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N - Văn phòng luật sư Trần và cộng sự; địa chỉ: Số 117B H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản uỷ quyền số 02/GUQ/CTHAL ngày 01/6/2021 của giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H). Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc Đ; sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn B (trước đây thôn 3), xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Luật sư Trần Đình D - Văn phòng luật sư Linh Đặng; địa chỉ: Số 331 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị P (vợ ông Đ), sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn B (trước đây thôn 3), xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1991; nơi cư trú: 26 P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1987; nơi cư trú: 26 P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Đoàn B T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Võ Xuân Tr, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phúc Đ là bị đơn và bà Phạm Thị P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

6. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH H trình bày:

Giữa Công ty TNHH H với Ông Nguyễn Phúc Đ đã nhiều lần thực hiện việc bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thuỷ sản cho Ông Nguyễn Phúc Đ ở thôn 3 (nay là thôn B), xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Tính đến ngày 31/12/2018 Ông Nguyễn Phúc Đ bên mua hàng thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản còn nợ lại công ty: 981.292.000 đồng. Sau đó giữa Công ty TNHH H và ông Đ tiếp tục mua bán hàng cùng nhau, việc mua bán được thể hiện tại sổ theo dõi công nợ năm 2019. Đến ngày 08/2/2019, ông Đ ký xác nhận tại sổ theo dõi công nợ còn nợ lại Công ty TNHH H: 929.404.000 đồng; vào các ngày 11 và 12 tháng 02 năm 2019, ông Đ có trả lại cho Công ty một số hàng đã mua, Công ty TNHH H đã quy đổi ra thành tiền là 7.984.000 đồng để trừ vào số nợ của ông Đ. Như vậy, tính đến ngày 12/02/2019, ông Đ còn nợ Công ty TNHH H số tiền 921.420.000 đồng. Từ đó đến nay, Công ty TNHH H đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả số tiền trên nhưng ông Đ không trả. Công ty TNHH H đã làm thông báo gửi đến ông Đ để thông báo cho ông Đ hoàn trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty TNHH H nhưng ông Đ không có bất kỳ phản hồi nào cũng như không trả tiền cho Công ty TNHH H.

Vì vậy, Công ty TNHH H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ, bà Phạm Thị P phải trả cho Công ty TNHH H số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản còn nợ là 921.420.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/6/2021, tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn Ông Nguyễn Phúc Đ trình bày:

Do có quen biết với nhau từ trước thông qua việc quấn mô tơ nên năm 2014, ông Trần Văn B là chồng của bà Lê Thị Kim L - Giám đốc Công ty TNHH H có đặt vấn đề về việc mở đại lý cấp 2 bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông B, miễn là ông Đ đi lấy khách hàng tới mua thức ăn nuôi tôm và thuốc cho ông B là được, ông B hứa một kg thức ăn cho ông B trả 1.000 đồng, còn thuốc là 20% và ông Đ đồng ý. Sau đó ông B cho người chở về nhà ông Đ 01 cái tủ và 01 cái biển quảng cáo ghi đại lý cấp 2 Đ N và một số mặt hàng. Từ đó ông Đ đi tìm kiếm khách hàng mua thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông B. Năm 2015, ông Đ cũng thuê hai ao ở thôn 3, xã T để nuôi tôm, ông B có chung với ông Đ về việc mua con giống, tiền điện và tiền công đều chia đôi còn thức ăn ông B cung cấp. Hai bên có thỏa thuận với nhau vụ nào nuôi lời thì trừ chi phí rồi chia đôi, còn vụ nào thua lỗ bên ông Đ chịu tiền thuê ao còn ông B chịu tiền thức ăn. Đến năm 2018, vì thua lỗ do dịch bệnh nên ông Đ và ông B không nuôi tôm cùng nhau nữa, ông Đ đã trả lại hồ tôm không thuê nữa. Trong quá trình thu hoạch tôm giữa ông Đ và ông B thì bà L vợ ông B có về để bán tôm, nên ông Đ có gặp bà L vài lần. Hiện tại tiền ông Đ làm đại lý cấp 2 cho ông B thì không nghe ông B nói gì cả. Nay, Công ty TNHH H yêu cầu ông Đ trả cho Công ty số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản còn nợ là 921.420.000 đồng thì ông Đ không đồng ý vì chữ ký trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 không phải là chữ ký của ông Đ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P đứng về phía bị đơn: Từ khi Toà án thông báo đưa bà Phạm Thị P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì bà P không có bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên hoà giải cũng như không tham gia phiên toà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430; khoản 1, 2 Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H. Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 921.420.000 đồng *(Chín trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/5/2022, Bị đơn Ông Nguyễn Phúc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vì Ông Nguyễn Phúc Đ không nợ tiền của Công ty TNHH H và trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 giữa Công ty TNHH H và Ông Nguyễn Phúc Đ không phải chữ của ông Đ ký. Ngoài ra, Tòa buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 921.420.000 đồng là không đúng, vì bà Phạm Thị P không có nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 26/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm vì, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ làm căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện; đồng thời bản án có vi phạm trong việc buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị P có nghĩa vụ liên đới cùng Ông Nguyễn Phúc Đ trả tiền cho Công ty TNHH H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228m khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kháng cáo của đương sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phúc Đ, bà Phạm Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Phúc Đ, bà Phạm Thị P phải trả số tiền 921.420.000 đồng phát sinh từ việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản, đây là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Nguyễn Phúc Đ có nơi cư trú tại thôn B (trước đây là thôn 3), xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Phúc Đ, bà Phạm Thị P phù hợp với các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo.

Kháng nghị của VKSND huyện T đúng theo quy định tại Điều 278,280 BLTTDS, Tòa án chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp thì từ năm 2017 đến năm 2019, Công ty TNHH H nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản cho Ông Nguyễn Phúc Đ Các bên lập sổ theo dõi công nợ. Đến ngày 08/02/2019, ông Đ ký xác nhận trả 200.000.000 đồng tại sổ theo dõi công nợ, còn nợ lại Công ty TNHH H 929.404.000 đồng và vào các ngày 11 và 12 tháng 02 năm 2019, ông Đ có trả lại cho Công ty TNHH H một số hàng đã mua, Công ty TNHH H đã quy đổi ra thành tiền là 7.984.000 đồng để trừ vào số nợ của ông Đ, tính đến ngày 12/2/2019, ông Đ còn nợ Công ty TNHH H số tiền 921.420.000 đồng.

Mặc dù Ông Nguyễn Phúc Đ cho rằng ông Đ không nợ tiền của Công ty TNHH H và trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 giữa Công ty TNHH H và Ông Nguyễn Phúc Đ không phải chữ ký của ông Đ. Tại công văn số 238/PC09 ngày 08/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và kết luận giám định số 97/C09C-DD2 ngày 30/12/2021của Phân việc khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng có nội dung: "Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Phúc Đ dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B Chủ hồ tôm. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, và tại giai đoạn phúc thẩm Ông Nguyễn Phúc Đ thừa nhận chữ ký trong sổ theo dõi công nợ do Nguyên đơn cung cấp là chữ ký của ông Đ (bút lục 213). Do đó, việc Công ty TNHH H khởi kiện số tiền 921.420.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm trả nợ: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 36/TLKH-BS ngày 02/3/2022 của Ủy Ban nhân dân xã H, huyện H thì Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P có quan hệ vợ chồng; việc ông Đ thực hiện việc mua bán thức ăn

nuôi tôm và thuốc thú y với Công ty TNHH H nhằm nuôi tôm phục vụ cho cuộc sống gia đình, vì vậy, Tòa án cấp sơ buộc Ông Nguyễn Phúc Đ với bà Phạm Thị P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, HĐXX phúc thẩm thấy:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định sự thật khách quan nên cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thêm là đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- Mặc dù tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 và sổ theo dõi công nợ không có chữ ký của bà P. Tuy nhiên căn cứ vào trích lục kết hôn số 36/TLKH-BS ngày 02/3/2022 của Ủy Ban nhân dân xã H, huyện H thì Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P có quan hệ vợ chồng; việc ông Đ thực hiện việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y với Công ty TNHH H là nhằm để phục vụ cho cuộc sống gia đình nên cần buộc Ông Nguyễn Phúc Đ với bà Phạm Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty TNHH H là đúng quy định của pháp luật. Vì vây, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn, buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải trả cho Công ty TNHH H số tiền là 921.420.000 đồng.

[4]. Về án phí:

Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải chịu án phí án phí sơ thẩm 39.642.000 đồng .

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn phúc Đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Ông Nguyễn Phúc Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị P; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

430; khoản 1, 2 Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 921.420.000 đồng *(Chín trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội:

- Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P phải nộp 39.642.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Và 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000172 và biên lai số 0000173 cùng ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông Nguyễn Phúc Đ và bà Phạm Thị P còn phải nộp 39.642.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.821.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004793 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND h. Triệu Phong;
- VKSND h. Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Phương